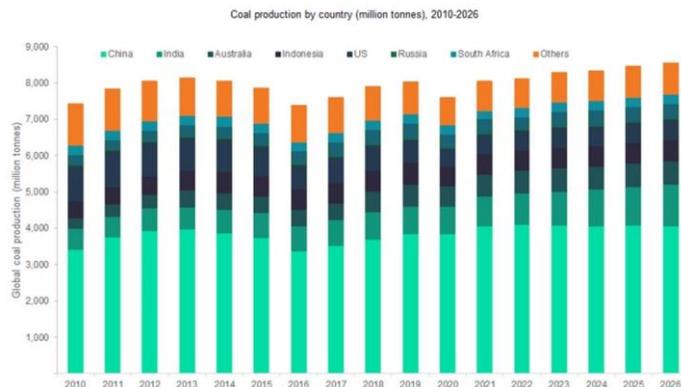


Điểm nhấn



Cơ cấu nguồn cung than trên thế giới, với Trung Quốc là quốc gia đứng đầu (Nguồn: Mining Technology)

- **Đường (+1,9% DoD):** Giá đường tiếp tục dao động ở mức đỉnh 10 năm là 27 USD/Lbs. Động lực hỗ trợ cho đà tăng mạnh mẽ là sự sụt giảm sản lượng tại các khu vực trọng điểm như Brazil, Ấn Độ và châu Âu vẫn còn hiện hữu.
- **Than (-1,2% DoD):** Giá than tiếp tục sụt giảm và dao động ở mức thấp khi nguồn cung tăng tại các khu vực chủ chốt như Trung Quốc (chính phủ khuyến khích tăng cường sản xuất) và Ấn Độ (sản lượng tăng chạm mức kỷ lục), trong khi nhu cầu suy yếu trầm trọng tại các khu vực ngoài châu Á.
- **Nhôm (-2,1% DoD):** Giá nhôm giảm nhẹ sau phiên ngày 10/05/2023. Xu hướng chung là dao động tích lũy tại mức thấp khi nỗi sợ suy thoái bao trùm thị trường, làm nhu cầu sụt giảm. Trong khi đó, sản lượng tại nguồn cung chính là Trung Quốc đã tăng 4,5% trong năm 2022.

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

| Hàng hóa | Trend hàng hóa | Ngành đáng chú ý | Trend ngành | Cổ phiếu đáng chú ý | Wetrade Ratings |
|----------|----------------|------------------------------|-------------|---------------------|-----------------|
| Đường | Tăng mạnh | Thực phẩm và đồ uống | Giảm mạnh | SBT | B |
| | | | | QNS | A |
| | | | | SLS | B |
| Nhôm | Suy yếu | Hóa chất | Tăng mạnh | DGC | B |
| Than | Suy yếu | Điện nước & Xăng dầu khí đốt | | POW | C |
| | | | | QTP | C |

Truy cập wetrade.dsc.com.vn để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

CHỈ SỐ VĨ MÔ

| Chỉ số | Giá trị | % D | XH trung hạn | % 3M | % 6M | Giá 6M | Chỉ số | Giá trị | % D | XH trung hạn | % 3M | % 6M | Giá 6M |
|--------------|---------|---------|--------------|---------|----------|--------|--------------------|---------|---------|--------------|----------|----------|--------|
| VNIndex | 1,058 | ▲ 0.4% | Suy yếu | ▲ 0.3% | ▲ 11.7% | | BCOM index | 102.7 | ▼ -0.8% | Suy yếu | ▼ -5.5% | ▼ -11.5% | |
| S&P 500 | 4,138 | ▲ 0.5% | Hồi phục | ▲ 1.2% | ▲ 4.6% | | Baltic Dry Index | 1,640 | ▲ 2.6% | Tăng mạnh | ▲ 172.4% | ▲ 18.0% | |
| Dollar Index | 101.5 | ▼ -0.1% | Suy yếu | ▼ -2.1% | ▼ -6.2% | | Baltic Dirty Index | 1,159 | ▲ 7.3% | Suy yếu | ▼ -3.9% | ▼ -36.3% | |
| US 10Y | 3.4 | ▼ -2.9% | Suy yếu | ▼ -8.1% | ▼ -11.2% | | | | | | | | |

GIÁ HÀNG HÓA

NĂNG LƯỢNG

| Chỉ số | Giá trị | % D | XH trung hạn | % 3M | % 6M | Giá 6M |
|--------------|---------|---------|--------------|----------|----------|--------|
| Dầu Brent | 76.4 | ▼ -1.3% | Suy yếu | ▼ -11.1% | ▼ -17.0% | |
| Dầu WTI | 72.6 | ▼ -1.5% | Suy yếu | ▼ -9.3% | ▼ -14.3% | |
| Khí tự nhiên | 2.2 | ▼ -4.3% | Suy yếu | ▼ -16.0% | ▼ -66.7% | |
| Than | 167.0 | ▼ -1.2% | Suy yếu | ▼ -23.4% | ▼ -48.6% | |

NÔNG NGHIỆP

| Chỉ số | Giá trị | % D | XH trung hạn | % 3M | % 6M | Giá 6M |
|---------|---------|---------|--------------|----------|----------|--------|
| Bông | 82.2 | ▲ 0.7% | Suy yếu | ▼ -4.0% | ▼ -2.8% | |
| Cao Su | 138.3 | ▼ -0.5% | Suy yếu | ▲ 0.6% | ▲ 10.9% | |
| Đường | 26.7 | ▲ 1.9% | Tăng mạnh | ▲ 23.5% | ▲ 37.6% | |
| Gạo | 18.0 | ▲ 0.0% | Hồi phục | ▼ -1.7% | ▼ -0.0% | |
| Heo hơi | 52.8 | ▲ 0.0% | Suy yếu | ▲ 0.6% | ▼ -3.6% | |
| Lúa Mi | 628.3 | ▼ -0.2% | Suy yếu | ▼ -21.0% | ▼ -23.9% | |

KIM LOẠI

| Chỉ số | Giá trị | % D | XH trung hạn | % 3M | % 6M | Giá 6M |
|-----------|---------|---------|--------------|----------|---------|--------|
| Quặng Sắt | 107.0 | ▲ 0.0% | Suy yếu | ▼ -15.1% | ▲ 19.6% | |
| Thép | 3,649 | ▼ -1.1% | Giảm mạnh | ▼ -9.3% | ▲ 1.3% | |
| Thép HRC | 961 | ▼ -0.6% | Suy yếu | ▲ 11.7% | ▲ 46.0% | |
| Vàng | 2,030 | ▼ -0.2% | Tăng mạnh | ▲ 8.8% | ▲ 15.7% | |

CÔNG NGHIỆP

| Chỉ số | Giá trị | % D | XH trung hạn | % 3M | % 6M | Giá 6M |
|--------|---------|---------|--------------|---------|----------|--------|
| Urea | 357.5 | ▲ 0.0% | Giảm mạnh | ▼ -7.7% | ▼ -42.1% | |
| Nhôm | 2,269 | ▼ -2.1% | Suy yếu | ▼ -7.0% | ▼ -2.5% | |

Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của HPG (theo ngày)

Cổ phiếu

CTCP Tập đoàn Hòa Phát – Hosi

Xu hướng kỹ thuật

HPG vận động trong xu hướng tích lũy trong 4 tháng qua, dưới ngưỡng kháng cự trung hạn (giá 22). Tín hiệu mở xu hướng gần nhất, xuất phát từ mẫu nến pocket, dòng tiền lớn tham gia (ngày 26/4).

Tín hiệu ngắn hạn: đường trung bình động ma10 cắt lên ma20, cắt lên ma50.

Trong nhịp điều chỉnh gần nhất, HPG ghi nhận thanh khoản bán không đáng kể; như vậy, pullback ma10 là nhịp điều chỉnh lành mạnh hỗ trợ cho đà tăng tiếp diễn phía sau.

Khuyến nghị

- Điểm mua ưu tiên tại vùng giá 21.5
- Điểm quản trị rủi ro: 20.8
- Mục tiêu ngắn hạn: 24; Upside ~12%.

Hiện tại, thanh khoản tham gia có phần chững lại, khi thử thách cản quan trọng.

Chiến lược mua: NĐT canh tham gia mua điều chỉnh.

Thời gian giao dịch kỳ vọng

2 tuần

| Điểm DSC | | |
|--------------|---------------|---------|
| Tăng trưởng | Giá trị | Đà tăng |
| D | D | C |
| Hành động | | |
| Điểm mua | 21.5 | |
| Mục tiêu | 24 | |
| Cắt lỗ | 20.8 | |
| Reward/Risk | 3.57 | |
| Chỉ báo | Đánh giá | |
| MA | Phân kỳ dương | |
| RSI | Tăng điểm | |
| MACD | Phân kỳ dương | |
| Mục tiêu | | |
| Hỗ trợ (1) | 21 | |
| Hỗ trợ (2) | 19.5 | |
| Kháng cự (1) | 22 | |
| Kháng cự (2) | 24 | |

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (*) Ảnh hưởng nhẹ (**) Ảnh hưởng trung bình (***) Ảnh hưởng mạnh

| Hàng hóa | Tác động tích cực | Tác động tiêu cực |
|--|---|---|
| Dầu thô WTI Dầu thô Brent | Thâm dò và khai thác dầu khí(**); Chế biến và trung chuyển dầu khí (***) Phân phối xăng dầu (***) Đường mía (*) | Vận tải (*); Vận tải biển (*); Hàng không (*); Nhựa đường và dầu nhớt (**); Lốp xe (*); Dệt may (*) |
| Khí tự nhiên | Phân phối khí đốt thiên nhiên (***) | Nhiệt điện khí (***) Phân bón (**) |
| Than | Khai thác than (***) | Nhiệt điện than (***) Sản xuất và chế biến thép (**) Phân bón (**) |
| Vàng | Hàng tiêu dùng và trang trí (**) | - |
| Thép | Sản xuất và chế biến thép (***) | Xây dựng hạ tầng (***) Xây dựng dân dụng (***) |
| Quặng sắt | - | Sản xuất và chế biến thép (**) |
| Cao su | Trồng cây và bán buôn Cao su (***) | Lốp xe (**) |
| Gạo | Lương thực (**) | Chăn nuôi(*) |
| Đường | Đường mía (***) | - |
| Cà phê | Sản xuất cà phê (***) | - |
| Bông | Sản xuất sợi (***) | Dệt may (**) |
| Lúa mì | - | Chăn nuôi (**); Bia (***) |
| Heo hơi | Chăn nuôi (***) | - |
| Cá tra | Khai thác, nuôi trồng thủy sản (***) | - |
| Tôm | Khai thác, nuôi trồng thủy sản (***) | - |
| Urea | Phân bón (***) | Lương thực (*) |
| Nhôm | Sản xuất Kim Loại (**) | Xây dựng dân dụng (*) |
| Phốt pho vàng | Sản xuất và sản phẩm hóa chất (***) | Phân bón (**) |

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

Tiêu cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành